

Số: 81/KH-GDTHNH

Nà Hỳ, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học 2025 – 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục Mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư 27/2020-TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành qui định đánh giá học sinh tiểu học.
- Văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/V Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, tin học; Văn bản số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học;
- Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021v/v Tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.
- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Công văn số 2166/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2025 về việc tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Công văn 1069/QĐ-SGDĐT ngày 23/8/2025 của Sở GDĐT Quyết định Về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp học Tiểu học

- Công văn Số: 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

- Công văn Số: 223 /UBND-VHXXH của UBND xã Nà Hỳ ngày 05/8/2025 V/v tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND Xã Nà Hỳ Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Nà Hỳ;

Trường PTDTBT TH Nà Hỳ xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

- Trường nằm trong địa bàn thuộc xã Nà Hỳ là một xã biên giới của tỉnh Điện Biên, sau khi thực hiện chính quyền hai cấp theo chủ trương của Đảng Địa bàn trường được quản lý về giáo dục gồm 10 bản với diện tích tự nhiên 20.113,71 ha. Có biên giới quốc gia giáp CHDCND Lào dài 2,755 km; dân số 5.017 người với 945 hộ gồm các dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm 11.7%, dân tộc Mông chiếm 81.78%, dân tộc Dao chiếm 23,5%; dân tộc Kinh chiếm 2.17%, dân tộc khác chiếm 4.35; giao thông từ trung tâm xã, trường đến một số điểm bản tương đối khó khăn, chưa có đường ô tô như Nậm Ngà; Huổi Cơ Mông.

- Địa bàn dân cư rộng sống rải rác, phần lớn nhân dân sinh sống bằng nghề nông nghiệp, lâm nghiệp và một số gia đình mở kinh doanh dịch vụ. Dân cư phân bố rải rác, sự phát triển về kinh tế - văn hóa – xã hội đang từng bước phát triển.

- Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

a. Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND Đảng ủy, chính quyền, sự phối kết hợp của các đoàn thể xã Nà Hỳ.

- Nhận thức của nhân dân đã được nâng cao, phần lớn cha mẹ học sinh đã quan tâm đến việc học tập của con em mình.

- Học sinh được về ăn, ở tại trường nên việc huy động tỷ lệ đi học chuyên cần đảm bảo tốt từ đó chất lượng học sinh cũng được nâng lên.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

b. Khó khăn:

- Việc thực hiện chính quyền hai cấp còn mới nên các văn bản chỉ đạo riêng về giáo dục cấp học còn hơi chậm.

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân bản Huổi Cơ Mông, Nậm Ngà về công tác giáo dục còn hạn chế. Chưa nhiệt tình hợp tác với nhà trường, một số học sinh là con hộ nghèo, bố mẹ đi làm ăn xa nên chưa quan tâm đến việc học của con em mình còn phó mặc cho nhà trường vì thế cũng ảnh hưởng đến chất lượng học tập của các em.

- Năm học này nhà trường tiếp tục đưa tất cả học sinh bán trú về trung tâm nên điều kiện cơ sở vật chất còn chật hẹp như: Nhà ở, nhà tắm, nhà vệ sinh và một số lớp học lớp học không đảm bảo diện tích.

- Học sinh lớp 1 còn nhỏ, mới lần đầu xa gia đình về ở tại trường các em còn sợ hãi, rụt dè, ăn ở chưa có nề nếp nên giáo viên cũng vất vả dịp đầu năm.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 34 lớp và 851 học sinh. Trong đó có 22 lớp tại trung tâm , 12 lớp tại Nà Hỳ 1;

Cụ thể

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện		Trong đó					Ghi chú
	Lớp	HS	Lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Kh/tật	Bán trú	Tỷ lệ hs/lớp	
Khối 1	7	168	7	168					24	
Khối 2	7	172	7	172			1		24.5	
Khối 3	7	185	7	185			1		26.4	
Khối 4	7	165	7	165			1		23.5	
Khối 5	6	161	6	161			2		26.8	
Tổng	34	851	34	851			5		25.0	

- Học 2 buổi/ ngày 34/34 lớp = 851 học sinh.

- Sĩ số học sinh/lớp bình quân: 25,0

- Tỷ lệ học sinh nữ: 45,3%

- Tỷ lệ học sinh dân tộc: 90,2%

- Tỷ lệ học sinh diện chính sách: 857/872 98,2%

+ Học sinh bán trú: 413/872 em đạt 47,2%

+ HS được hưởng CPHT: 857 em 98.2 %

+ HS hưởng chế độ KT: 0,02%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí.

a. Về số lượng và trình độ đào tạo:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ghi chú
--	---------	----	---------	------------------	---------

				Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	3	2	1	0	3	0	0	0	
GV	52	30	35	0	51	1	0	0	
NV	5	2	3	0	2	1	2	0	
TPTĐ	1	1	1				1		
Tổng	61	35	40	0	56	2	3	0	5

03 Giáo viên đi tăng cường

b. Về cơ cấu đội ngũ: Tổng số: 61 đ/c

- CBQL: 03; trong đó: Hiệu trưởng : 01; Phó hiệu trưởng : 02;
- Giáo viên: 52, trong đó: Giáo viên tiểu học: 42 đ/c , tiếng Anh: 02 đ/c, Âm nhạc 2, Thể dục: 3; Mỹ thuật: 01, tin học: 02;
- Tổng phụ trách đội chuyên trách: 01
- Nhân viên: 5 đ/c: Trong đó: Kế toán: 01; Thiết bị: 01; Văn thư – Thủ quỹ: 01; Thư viện: 01; NV Y tế: 01;

08 nhân viên hợp đồng: Bảo vệ: 02, nấu cơm: 06

- Tỷ lệ nữ: 57,3%
- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1.5
- Trung cấp chính trị: 5 đ/c
- Quản lý nhà nước: 3 đ/c

c. Về chất lượng đội ngũ

- Giáo viên giỏi cấp tỉnh: 7/52 đ.c = 13,4%, cấp huyện (cũ): 12/52 đ.c = 23,07%, cấp trường: 18/52 đ/c = 34,6%.
- Chuẩn hiệu trưởng: Khá: 01 đ/c = 100% ;
- Chuẩn Phó HT: Tốt 01 đ/c = 40%, Khá 01 đ/c = 60% .
- Chuẩn nghề nghiệp GV: Tốt: 3/52 đ/c = 5,6%, Khá: 47/52 đ/c = 90.8%, trung bình: 02/52 đ/c = 3,84%; Kém: 0 đ/c;
- Xếp loại viên chức cuối năm: HTXSNV: 13/61 đ/c =21,3%; HTTNV: 42/61 đ/c = 68,8%, HTNV: 02 đ/c = 3,2%, Không xếp loại: 01 đ/c = 5%

d. Về thuận lợi, khó khăn:

***. Thuận lợi:**

- Về cán bộ quản lý:
 - + Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;
 - + Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;
 - + Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018
- Về đội ngũ giáo viên
 - + Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học. Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề,

có trách nhiệm cao trong công tác; Chất lượng đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông;

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả;

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

***. Về khó khăn:**

- Đối với giáo viên:

+ Một số giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh còn hạn chế.

- Đối với nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhân viên phục vụ sử dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

*** Về cơ sở vật chất**

- Tổng số phòng học: 34 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp.

Trong đó: phòng kiên cố 26 phòng; phòng bán kiên cố 06 phòng, phòng học 3 cứng: 02 phòng

- Tổng số phòng học bộ môn: 05 phòng, trong đó: 02 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc, 02 phòng Ngoại ngữ.

- Tổng số phòng chức năng: 09 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02; Văn thư: 01; Đội: 01; Thư viện: 02; Thiết bị: 01. Y tế: 01

- Trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động giáo dục.

+ Tổng số máy chiếu: 16 cái (lắp cố định tại các phòng học, phòng học).

+ Máy chiếu vật thể: 04 cái

- + Ti vi thông minh: 06 cái
- + Tăng âm loa, đài: 02 bộ
- + Máy tính: 40 máy phục vụ học tập

*** Điểm trường:**

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 1 trung tâm và điểm Nà Hỳ:

- + Trung tâm: 23 lớp và **468 học sinh; 306 học sinh bán trú**
- + Trung tâm Nà Hỳ : gồm 11 lớp và **405 học sinh;**

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Nhà bếp và nhà ăn: có 02 nhà bếp, 02 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho **411** học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường.

- Phòng ở bán trú; 27 phòng.
- Nhà tắm; 4 nhà = 4 phòng
- Nhà vệ sinh: 10 nhà. (05 nhà nhà của HS)

3 . Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, bảo đảm phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và theo các quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND tỉnh;

- Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn; bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình. Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT.

- Hiệu trưởng phê duyệt: kế hoạch dạy học tuần, kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt, Toán; nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy,...), ôn tập kiểm tra bổ sung kiến thức, dạy học theo chủ đề, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... trước khi giáo viên triển khai thực hiện.

3.1. Thực hiện chương trình SGK:

Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất

lượng giáo dục.

Sách giáo khoa tiếp tục thực hiện với bộ sách đã được nhà trường lựa chọn

- *Dạy môn tiếng Anh:* Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/ KH -BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT. Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cấp tiểu học theo kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến đối với một số lớp. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

Tổng số lớp học tiếng Anh: 20 lớp (Trung tâm: 14 lớp, Nhà Hý 6 lớp)

Tổng số giáo viên tiếng Anh: 02: Nhà trường bố trí mỗi giáo viên dạy 28 tiết/tuần:
Chia ra: Trung tâm: 2 lớp học trực tiếp; 11 lớp học trực tiếp kết hợp trực tuyến;

Trung tâm: 2 lớp học trực tiếp = 8 tiết; 11 lớp học trực tuyến = 24 tiết;

Nà Hý: 6 lớp học trực tiếp = 24 tiết

- *Tổ chức dạy học môn Tin học* bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn Tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- *Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương* lớp 1, 2, 3, 4, 5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDT ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

+ Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GD T 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

- *Tăng cường tiếng Việt:* Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 644/KH-UBND ngày 14/4/2021 của UBND huyện Nậm Pồ về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021- 2025 đến các trường có học sinh tiểu học trên địa bàn. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (*Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học*

sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH ngày 15/5/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3;

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu TV.

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết).

Thực hiện mở 7 lớp học tại trung tâm, Nhà Hý và các điểm bản; Tổ chức kiểm tra đánh giá việc dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS của giáo viên.

- Triển khai giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDĐT ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDĐT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện giáo dục STE cấp Tiểu học đối với 100% các đơn vị trường có học sinh tiểu học.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Dạy học song ngữ:

Triển khai lồng ghép song ngữ đối với các môn học tiếng Việt, Toán và TNXH tại lớp 1 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục đã được tập huấn.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

- + Thực hiện nghiêm túc Luật người khuyết tật năm 2010; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

- + Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

+ Giáo viên tuyên truyền, vận động cha mẹ cho các em là HS khuyết tật đến trường học tập, hỗ trợ gia đình làm hồ sơ y tế để các em được hưởng chế độ trợ cấp hàng năm; Lập kế hoạch giáo dục cá nhân có biện pháp cụ thể

+ Thường xuyên phối hợp với gia đình, y tế, tổ chức xã hội, lực lượng công đồng để chăm sóc, giáo dục HS khuyết tật;

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

Trong năm học trường có 05 học sinh khuyết tật học hòa nhập

3.2. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

a) Dạy học 2 buổi/ngày

Giáo viên đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT. Trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026.

1. Mục tiêu chung

- Năm học 2025-2026 Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) từ lớp 1 đến lớp 5; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cấp tiểu học.

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và KĐCLGD mức độ 2.

- Duy trì PC GDTH mức độ 3. PC XMC mức độ 2.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Huy động và duy trì số lượng học sinh

- Duy trì 851/851 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%.
- Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.
- Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 154/154 HS đạt 100% trẻ trong địa bàn. (Có 14 trẻ ngoài địa bàn)
- Huy động trẻ từ 6-14 tuổi trên địa bàn ra lớp 851/851 em đạt tỷ lệ 100%
(Có 102 học sinh xã khác học nhờ)
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 172/172 đạt tỷ lệ 100%

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 08:47 15/01/2026
bởi Mai Xuân Kiên (thnahy_kienmx) – PTDTBT Tiểu học Na Hy

2.2. Chất lượng giáo dục

a. Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		168		172		185		165		161		851	
HS Khuyết tật				1		1		1		2		5	
HS được đánh giá		168		171		184		164		159		846	
Môn học	MDD	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	92	54.7	90	52.6	92	50	78	47.5	72	45.2	424	50.1
	HT	76	45.3	81	47.4	92	50	86	52,5	86	54.8	422	49.9
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	HTT	96	57.1	96	56.1	92	50	74	45.1	68	43.0	426	50.2
	HT	73	42.9	75	43.9	92	50	90	54.9	90	57	434	49.8
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Tiếng Anh	HTT					75	40.7	70	42,7	64	40	109	41.3
	HT					109	59.3	94	57,3	94	60	297	58.7
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
4. Tin học và Công nghệ													
- Tin học	HTT					78	42.3	70	42,7	64	40	212	41.9
	HT					102	57.7	94	57,3	94	60	294	58.1
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
- Công nghệ	HTT					78	42.3	70	42,7	64	40	212	41.9
	HT					102	57.7	94	57,3	94	60	294	58.1
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
5. Khoa học	HTT							76	46,3	70	44,3	146	45.3
	HT							88	53,7	88	55.7	176	54.7
	CHT							0	0	0	0	0	0

6. Lịch sử và địa lý													
Lịch sử và địa lý	HTT							72	43.6	65	41.1	137	42.5
	HT							92	56.4	93	58.9	185	57.5
	CHT							0	0	0	0	0	0

b) Những phẩm chất chủ yếu (07 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối	Khối 1					Khối 2					Khối 3					Khối 4					Khối 5				
T HS	168					172					185					165					161				
HS KT						1					1					1					2				
HS được ĐG	168					171					184					164					159				
Phẩm chất	Mức đạt được																								
	Tốt		Đạt		CC G	Tốt		Đạt		C C G	Tốt		Đạt		C C G	Tốt		Đạt		C C G	Tốt		Đạt		C C G
	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%		SL	%	SL	%		SL	%	SL	%		SL	SL	%	SL	%
Yêu nước																									
2. Nhân ái																									
Chăm chỉ																									
Trung T																									
Trách N																									

c) Những năng lực cốt lõi

Khôi	TS	HS	HS	Mức đạt	Năng lực chung	Năng lực đặc thù
------	----	----	----	---------	----------------	------------------

<i>lớp</i>	<i>HS</i>	<i>KT</i>	<i>được ĐG</i>	<i>được</i>	<i>Tự chủ, TH</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giao tiếp HT</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>. Giải quyết VĐ</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Ngôn ngữ</i>	<i>Tính toán</i>	<i>Khoa học</i>	<i>Thẩm mỹ</i>	<i>Thể chất</i>	<i>Công nghệ</i>	<i>Tin học</i>
1	168		168	Tốt													
				Đạt													
				CCG													
2	171	1	171	Tốt													
				Đạt													
				CCG													
3	185	1	184	Tốt													
				Đạt													
				CCG													
4	165	1	164	Tốt													
				Đạt													
				CCG													
5	161	2	159	Tốt													
				Đạt													
				CCG													

d) Kết quả giáo dục cuối năm học: (05 HS Khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp	TS HS	TSHS Được đánh	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	

		giá									
1	168	168	42	25	50	29.7	76	45.3	0	0	
2	172	171	42	24.5	48	28.1	81	47.4	0	0	
3	185	184	38	20.6	54	29.4	92	50	0	0	
4	165	164	30	18.3	48	29.2	86	52,5	0	0	
5	161	159	26	16.3	46	28.9	87	54.8	0	0	
Tổng	851	846	178	21.0	246	29.1	412	48.8	0	0	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 690/690 tỷ lệ 100% (gồm 05 học sinh khuyết tật học hòa nhập không đánh giá).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 161/161, tỷ lệ 100%.

e) Các hoạt động khác

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2, 5 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức.

g) Khen thưởng cuối năm học: (05 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		HS tiêu biểu		HS hoàn thành tốt	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %

1	168	92	54.7	42	25	50	29.7
2	172	90	52.6	42	24.5	48	28.1
3	185	92	50.0	38	20.6	54	29.4
4	165	78	47.5	30	18.3	48	29.2
5	161	72	45.2	26	16.3	46	28.9
Tổng	851	424	50.1	178	21.0	246	29.1

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (theo Chương trình GDPT 2018

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	280	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34

7	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
8	Nghệ thuật Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Nghệ thuật Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
13	Hoạt động trải Ng	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
14	Độc sách thư viện	36	18	18	36	18	18	36	18	18	36	18	18	36	18	18
15	Tăng cường tiếng Việt	36	18	18	36	18	18	36	18	18	0	0	0	0	0	0
16	Giáo dục địa phương	24	12	12	24	12	12	24	12	12	12	12	12	12	12	12
	Tổng số tiết không kể các môn tự chọn	967	498	469	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
2. Môn học tự chọn																
1	Toán +Tiếng Việt *	106	54	51	106	54	51	80	36	34						
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Câu lạc bộ	36	18	17	36	18	17	36	18	17	13	6	7	13	6	7
TỔNG		1050	540	510	1050	540	510	1155	594	561	1085	558	527	1085	558	527
Tổng số tiết/tuần		30			30			30			31			31		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

a. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung các trường trong xã	Sáng thứ sáu, ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ Giáo viên, HS	Ban ĐDCMHS
Tháng 10	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai (Tiết chào cờ)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Tổ chức trung thu	Tập trung toàn trường	Tối thứ hai ngày 06/10/2025	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
	HĐTN	Làm thiệp chúc mừng Mẹ và cô 20/10	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai (Tiết chào cờ)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Làm thiệp chúc mừng thầy cô nhân ngày 20/11 tại Trung tâm và Nhà Hý	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai tiết HĐTN	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Thực hiện phong trào đền ơn đáp nghĩa. Phong trào nghìn việc tốt theo gương anh bộ đội cụ Hồ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai (35phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
	HĐTN	Hội khỏe phù đồng	Tập trung toàn	- Chiều thứ năm	BGH; TPTĐ	- Ban ĐDCMHS

			trường	ngày 19/12/2025	GV,NV toàn trường.	- Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 1+2	Mừng đảng, mừng xuân	Tổ chức ngày hội STEM tại trung tâm	Tập trung toàn trường	Chiều thứ năm ngày 15/1/2026	BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
		HĐTN	Tập trung toàn trường	Làm ảnh và phiên chợ ngày tết	BGH; TPTĐ GV,NV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3: tổ chức tại điểm Nhà Hỷ và Trung tâm	Tập trung toàn trường	Giờ chào cờ đầu tuần ngày	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
	HĐTN	Kết nạp Đội viên	Tập trung toàn trường	Chiều thứ năm ngày 26/3/2026	TPTĐ	GVCN
Tháng 4	Hòa Bình Hữu Nghị	Giao lưu tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc. Phòng chống đuối nước	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai	PHT; TPTĐ, HS	GVCV, GVBM
	HĐTN	Giao lưu các câu lạc bộ	Tập trung toàn trường	Chiều thứ năm	PHT; TPTĐ, HS	GVCV, GVBM
Tháng 5	Bác Hồ Kính Yêu HĐTN	Tổ chức ngày hội STEM Tổ chức Giao lưu TV cho HS dân tộc	Tập trung toàn trường	Chiều thứ năm	BGH, CBGVNV, HS	-Ban ĐDCMHS

b. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường:

ST T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh nội trú/toàn trường	5h40p-6h00p	Khu nội trú	
2	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh nội trú/toàn trường	6h00p-6h30p	Nhà ăn	
3	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường	6h30p-6h45p	Khu nội trú, lớp học	
4	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh nội trú/toàn trường	10h30p – 10h40p	Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh nội trú/toàn trường	10h40p-11h10p	Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	11h10p-11h30p	Nhà ăn	
8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh nội trú/toàn trường	11h30p-13h15p	Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay,	Học sinh nội trú/toàn trường	13h15p-13h30p	Bể nước khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	13h30-13h45p	Khu nội trú, lớp học	
11	Đọc sách tại thư viện; Hoạt động	Đọc sách; TDDT, Chăm sóc bồn hoa	Học sinh nội trú/toàn trường	16h10p-17h00p	Thư viện, sân trường, vườn trường	

	TDTT, Chăm sóc bồn hoa					
12	Vệ sinh cá nhân	Tắm giặt	Học sinh nội trú/toàn trường	17h00p-17h30p	Khu nội trú Bể nước khu nội trú	
13	Ăn tối;	Ăn tối	Học sinh nội trú/toàn trường	17h30-18h00p	Nhà ăn	
14	Dọn vệ sinh nhà ăn	quét dọn	Theo lớp	18h00p-18h30p	Nhà ăn	
15	Xem phim	Xem phim	Học sinh nội trú/toàn trường	18h30p-19h30p	Nhà ăn	
16	Hoạt động tập thể	Múa, hát, trò chơi	Học sinh nội trú/toàn trường	19h30p-20h30p	Sân trường	
17	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt...	Học sinh nội trú/toàn trường	20h30p-20h45p	Bể nước khu nội trú	
18	Ngủ tối	Ngủ tối	Học sinh nội trú/toàn trường	21h-00p đến 5 40p ngày hôm sau.	Phòng nội trú	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (Khái quát tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (nếu có)).

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục (Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần. có KH từng lớp cụ thể)

- Thực hiện Quyết định số Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

+ Đối với lớp 1: Ngày 11/8/2024 Học tiến Việt cho HS DT thiểu số trước khi vào lớp một

+ Ngày tựu trường lớp 2,3,4,5: Thứ tư, ngày 03/9/2025. HS nhận lớp, sắp xếp chỗ ngủ.

+ Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

+ Học kì 1 từ ngày 08/9/2025 (có 18 tuần thực học; thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kì 2 từ ngày 19/01/2026 hoàn thành trước ngày 30/5/2026 (có 17 tuần thực học; thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Kết thúc năm học 2023-2024 ngày 31/5/2026.

- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Sinh hoạt chuyên môn tổ (Khối) 2 lần/tháng; Sinh hoạt chuyên môn trường 01 lần/tháng

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

- Tại trường PTDTBT TH Nà Hỳ KHGD môn học và HĐ giáo dục năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	2	10	2	7	1	7		7		
2	Toán	3	1	5	1	5	1	5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TN&XH	2		2		2						
6	Khoa học							2		2		
7	LS&DL							2		2		
8	Nghệ thuật	2		2		2		2		2		
	- Âm nhạc	1		1		1		1		1		
	- Mỹ thuật	1		1		1		1		1		
10	GDTC	2		2		2		2		2		
11	HĐTN	3		3		3		3		3		
12	Tiếng Anh					4		4		4		
13	Tin học và công nghệ											
	- Tin học					1		1		1		
	- Công nghệ					1		1		1		
14	Độc thư viện	1		1		1		1		1		
15	Tăng cường tiếng Việt	1		1		1		0		0		

16	Giáo dục địa phương	1		1		1		1		1		
17	NN1 (Toán, TV *		4		4		2		1		1	
Tổng		28	4	28	4	30	2	31	1	31	1	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32tiết		32 tiết		32 tiết		

(Các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ, vui chơi tổ chức ngoài giờ vào cuối các buổi chiều và giờ ra chơi theo hình thức linh hoạt, đảm bảo học sinh không bị quá tải.).

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC phòng Tin học và Ngoại ngữ.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng sinh hoạt chuyên môn:

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đảm bảo quy định của Bộ GDĐT2 bảo đảm chất lượng, hiệu quả, thiết thực. Tăng cường các hoạt động hội thảo, tập huấn để học hỏi chia sẻ kinh nghiệm trong tổ nhóm chuyên môn và giữa các đơn vị trường/cụm trường, giữa các trường trong và ngoài tỉnh, để từng bước hoàn thiện kế hoạch môn học, kế hoạch dạy học. Phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán chuyên môn/quản lý giáo dục để triển khai bồi dưỡng giáo viên/cán bộ quản lý theo phương thức bồi dưỡng trực tiếp; thường xuyên, liên tục ngay tại trường, cụm trường. Lựa chọn hình thức sinh hoạt chuyên môn theo trường/cụm phù hợp với điều kiện thực tế để tất cả giáo viên được tham gia. Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch NCCLGD các môn học cấp tổ/trường.

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát

nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018...

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018. Xây dựng khung phân phối chương trình và kế hoạch giáo dục theo công văn 2345.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, tham gia SHCM cấp trường, cụm trường, cấp huyện theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục STEM.

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018...

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về chương trình GDPT; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ.

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuYên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

- Tổ chức sinh hoạt hàng tuần cho học sinh tham gia theo sở trường.

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TTBGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm; tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí để tổ chức cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng

và nghỉ trưa tại trường. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng thực đơn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật:

- Thực hiện Luật người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ GD&ĐT - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật ;

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Tin học, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

10. Công tác kiểm tra đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh; xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra bám sát yêu cầu cần đạt của bộ môn, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình. Đối với đánh giá thường xuyên cần lựa chọn hình thức, phương pháp phù hợp, linh hoạt với phương pháp, kỹ thuật dạy học đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học và được thể hiện trong kế hoạch bài dạy của giáo viên cũng như kế hoạch giáo dục môn học của tổ/nhóm chuyên môn; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập

11. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác dạy học và quản lý

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại “Trường học kết nối” trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

- Tích cực tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên tiền phong HCM, sao nhi đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã và Phòng GD&ĐT về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với các Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn toàn trường, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Ký, duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, KH chủ nhiệm lớp, kế hoạch hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối (2 lần/tháng).
- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.
- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV+TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên phục vụ

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, cầu thang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).
- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.
- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.
- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Nà Hỳ.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- Các tổ chuyên môn (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Mai Xuân Kiên

Mai Xuân Kiên